

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Trong bối cảnh nước ta đang tiến hành quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực CLC là yêu cầu cấp thiết để đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội và tăng trưởng bền vững.

Các chương trình đào tạo CLC được triển khai thực hiện ở các trường đại học công lập ở Việt Nam, góp phần giải quyết những bức xúc về nhu cầu nguồn nhân lực CLC phục vụ nền kinh tế xã hội. Việc hình thành và phát triển các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập ở Việt Nam là phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC liên tục được điều chỉnh tạo điều kiện để các trường đại học triển khai chương trình đào tạo CLC một cách có hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những bất cập, hạn chế trở thành thách thức không nhỏ cho các trường đại học công lập Việt Nam nếu muốn đào tạo CLC trong xu thế hội nhập và phát triển GDĐH.

Vì vậy, tác giả lựa chọn đề tài ***“Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao trong các trường đại học công lập Việt Nam”*** để nghiên cứu nhằm giải quyết những vấn đề có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

### 2. Mục đích nghiên cứu

Với lý do trên, đề tài luận án nghiên cứu nhằm giải quyết các câu hỏi sau đây:

#### ***Câu hỏi quản lý***

1) Thực trạng và những vấn đề hiện nay của các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập?

2) Cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC hiện nay đã phù hợp chưa, có điều gì bất cập.

3) Các giải pháp nào được thực hiện để hoàn thiện cơ chế nói trên.

#### ***Các câu hỏi nghiên cứu***

1) Thế nào là chương trình đào tạo CLC?

2) Cơ chế quản lý tài chính đối với chương trình đào tạo CLC là gì?

3) Nội dung, đặc điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC?

Trả lời các câu hỏi nghiên cứu và câu hỏi quản lý nói trên sẽ giải quyết được mục tiêu của đề tài:

- Làm rõ cơ sở lý luận về chương trình đào tạo CLC và cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC.

- Đánh giá thực trạng cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập: điểm mạnh, điểm tồn tại và tác động của cơ chế quản lý tài chính đối với mục tiêu và chất lượng các chương trình đào tạo CLC.

- Đề xuất một số giải pháp khả thi hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập Việt Nam góp phần đạt được mục tiêu và nâng cao chất lượng của các chương trình đào tạo CLC.

### 3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC được triển khai tại một số trường đại học công lập Việt Nam.

### 4. Phạm vi nghiên cứu

Luận án tiến hành các nghiên cứu trên giác độ Nhà nước với tư cách là chủ thể quản lý và sử dụng các phương pháp, công cụ tài chính như thế nào để tác động đến đối tượng quản lý. Đồng thời xem xét vai trò của Nhà nước trong mối quan hệ với các chủ thể khác tham gia vận hành cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC.

### 5. Phương pháp nghiên cứu

#### 5.1. Phương pháp chung

Để thực hiện các mục tiêu nghiên cứu đề tài đã sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa phân tích định tính và định lượng, các phương pháp nghiên cứu cụ thể sẽ được sử dụng như:

Nhóm phương pháp nghiên cứu phân tích tài liệu; Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn; Phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi

Phương pháp phỏng vấn sâu: phương pháp phỏng vấn sâu được thực hiện với Ban Giám hiệu, Ban Chủ nhiệm khoa, lãnh đạo phòng tài chính (tài vụ), các chuyên gia quản lý và nghiên cứu về giáo dục đại học, quản lý tài chính.

Phương pháp thống kê, xử lý số liệu: sử dụng các phương pháp toán thống kê nhằm xử lý và phân tích các số liệu, thông tin đã thu thập được từ khảo sát, điều tra phỏng vấn.

#### 5.2. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu được lựa chọn là 50 chương trình đào tạo CLC ở các loại đào tạo hình thức khác nhau thuộc các trường đại học công lập đại diện ở các khối ngành khác nhau đã và đang triển khai thực hiện chương trình đào tạo CLC.

#### 5.3. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sẽ được thu thập qua phỏng vấn và trích dẫn từ các tài liệu liên quan: nguồn dữ liệu thứ cấp và Nguồn dữ liệu sơ cấp (từ kết quả phỏng vấn, khảo sát).

### 6. Tổng quan tình hình

Lý thuyết về tài chính công được phát triển và chú ý ở Việt Nam trong thời gian gần đây, khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường và có hội nhập sâu rộng với thế giới. Quản lý tài chính đối với GDĐH chịu sự điều tiết, chi phối bởi những định chế của nền tài chính công, tuy nhiên cũng có những đặc trưng riêng biệt xuất phát từ vai trò và vị trí quan trọng của trường đại học trong xã hội.

Các công trình nghiên cứu với nhiều bài viết của Giáo sư Phạm Phú nêu các vấn đề về cơ chế tài chính đối với GDĐH và các kiến nghị đối với các cấp quản lý. Các bài viết [73], tài liệu dịch [3], [69] của TS. Phạm Thị Ly về cơ chế tài chính cho GDĐH ở các nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam. Các công trình này rất có giá trị đối với các cơ quan quản lý Nhà nước khi triển khai các đổi mới cơ chế tài chính cho GDĐH.

Các công trình nghiên cứu "gần" với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài gồm rất nhiều cá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ. Luận án của tác giả Đặng Văn Du "Các giải pháp nâng cao hiệu

quả đầu tư tài chính cho đào tạo đại học ở Việt Nam" [59], tác giả Lê Phước Minh "Hoàn thiện chính sách tài chính cho giáo dục đại học Việt Nam" [60], tác giả Bùi Tiến Hanh "Hoàn thiện cơ chế tài chính nhằm thúc đẩy xã hội hóa giáo dục Việt Nam" [32], tác giả Phạm Văn Ngọc "Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính của ĐHQGHN trong tiến trình đổi mới quản lý tài chính công ở nước ta hiện nay" [74] đều tập trung nghiên cứu các vấn đề ở tầm vĩ mô về quản lý tài chính cho GDĐH như hiệu quả đầu tư tài chính, chính sách tài chính cho GDĐH, cơ chế XHH cho GDĐH. Các kết quả đóng góp của các công trình này có giá trị tham khảo tốt với các cơ quan quản lý vĩ mô hơn là đối với một chương trình đào tạo điển hình.

Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài với nhiều công trình nghiên cứu có giá trị. Các tài liệu nghiên cứu về tài chính công của các tác giả Alan [101], Holley [105] thu hút được sự chú ý của các nhà kinh tế, nhà nghiên cứu, sinh viên. Bộ sách về quản trị công và trách nhiệm giải trình "Lập ngân sách và các thiết chế ngân sách" do Anwar Shah chủ biên [2] trình bày các lý thuyết về các phương pháp lập ngân sách, cải cách chi tiêu công và kinh nghiệm của các nước trên thế giới rất có giá trị tham khảo đối với các nhà quản lý tài chính công. Tuy nhiên, các vấn đề được nêu ra trong cuốn sách không thể được áp dụng hoàn toàn cho trường hợp điển hình là các chương trình đào tạo CLC.

Công trình nghiên cứu của Bikas C.Sanyal, Micheala Martin, Susan D'Antoni: tài liệu "Quản lý trường ĐH trong GDĐH" [4], cung cấp một cách khái quát về công tác quản lý trong GDĐH với ba chủ đề cơ bản, QL tài chính, QL nhân lực và QL nguồn lực CSVC. Tuy nhiên, một số nội dung của tài liệu không hoàn toàn phù hợp để áp dụng cụ thể đối với cơ chế quản lý tài chính cho chương trình đào tạo CLC.

Như vậy, các công trình nghiên cứu nêu trên đã đề cập đến nhiều khía cạnh về quản lý tài chính, điều hành ngân sách GDĐH theo từ quản lý vĩ mô đến cơ chế, chính sách, tiêu chí cụ thể. Tuy nhiên, hiện chưa có một công trình nghiên cứu một cách toàn diện về cơ chế quản lý tài chính đối với một chương trình đào tạo đặc biệt nhưng hiện khá phổ biến trong các trường đại học công lập hiện nay đó là chương trình đào tạo CLC.

Các kết quả nghiên cứu của luận án sẽ đóng góp về lý luận và thực tiễn về cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC góp phần đạt được mục tiêu và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập Việt Nam hiện nay.

## 7. Các đóng góp của Luận án

- Đề xuất tiêu chí xác định các chương trình đào tạo CLC;
- Hệ thống hóa lý luận về cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC dựa trên lý thuyết về sự vận hành của GDĐH theo cơ chế thị trường; đề xuất mô hình cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC, được coi là hoàn thiện, dựa trên các phương thức, công cụ, các chỉ tiêu đo lường, đánh giá phù hợp với thông lệ quốc tế.
- Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC luận án đã chỉ ra những điểm mạnh và điểm hạn chế cả phương diện cơ sở pháp lý và thực tiễn về cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC. Đây là cơ sở cho việc hoàn thiện cơ chế này.
- Hệ thống các giải pháp hoàn thiện cơ chế đáp ứng yêu cầu phát triển các chương trình đào tạo CLC theo xu thế của GDĐH thế giới; phù hợp với các định hướng đổi mới quản lý tài

chính đối với các đơn vị sự nghiệp công tại Việt Nam cũng như điều kiện thực tiễn tại các trường đại học công lập Việt Nam.

## 8. Bố cục của luận án gồm 3 chương:

Chương 1. Chương trình đào tạo chất lượng cao và cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo chất lượng trong các trường đại học công lập

Chương 2. Thực trạng cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao trong các trường đại học công lập Việt Nam

Chương 3. Giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với chương trình đào tạo chất lượng cao trong các trường đại học công lập Việt Nam

## CHƯƠNG 1

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

#### 1.1. Tổng quan về chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập

##### 1.1.1. Trường đại học công lập trong hệ thống giáo dục đại học

###### 1.1.1.1. Khái niệm trường đại học công lập

##### Trường đại học công lập

Khái niệm, mô hình và địa vị pháp lý của trường đại học công có sự khác nhau trong hệ thống GDĐH ở mỗi quốc gia. Tuy nhiên có thể định nghĩa khái quát về trường đại học công lập như sau:

*Trường đại học công lập là trường do chính quyền thành lập và quản lý. Nguồn kinh phí đảm bảo cho các trường đại học công lập hoạt động phụ thuộc vào chính sách đầu tư tài chính và mức độ xã hội hóa nguồn lực dành cho giáo dục đại học của mỗi quốc gia.*

###### 1.1.1.2. Vai trò của các trường đại học trong hệ thống GDĐH

##### Hệ thống giáo dục đại học

Hệ thống GDĐH là hệ thống các trường cho giáo dục sau phổ thông trung học bao gồm cả đại học và cao đẳng. Hệ thống các trường đại học có thể được phân loại theo nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu để áp dụng các tiêu chí khác nhau trong các phân loại các trường đại học: *phân loại theo bậc đào tạo; phân loại theo sở hữu; phân loại theo sứ mạng của cơ sở giáo dục đại học hay cách gọi khác là theo phân tầng GDĐH.*

##### Vai trò của các trường đại học công lập trong hệ thống GDĐH

Sự ra đời và hoạt động của các trường đại học công lập thể hiện vai trò của Nhà nước đối với GDĐH. Nhà nước thông qua các hoạt động của trường đại học công lập để điều tiết các nguồn lực xã hội sao cho có hiệu quả nhất, từ đó điều tiết cơ cấu đào tạo nhân lực hợp lý duy trì và phát triển giáo dục đào tạo, đảm bảo lợi ích công về GDĐH.

##### 1.1.2. Đặc điểm các trường đại học công lập

Trường đại học công lập là một bộ phận của hệ thống GDĐH, có những đặc điểm riêng như bất kỳ một trường đại học nào trong xã hội. Ngoài ra, còn và có các đặc điểm riêng:

*Về cơ chế quản lý và bộ máy tổ chức hoạt động:* Trường đại học công lập do chính quyền thành lập nên chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát về tổ chức bộ máy, hoạt động hành chính theo quy định của Nhà nước hoặc chính quyền các cấp.

*Về nguồn tài chính và cơ chế quản lý tài chính:* Các trường đại học công lập còn có đặc điểm quan trọng là sở hữu thuộc về Nhà nước. Các trường đại học công lập do Nhà nước thành lập và đầu tư kinh phí để xây dựng và hoạt động nên tính chất hoạt động của các trường đại học công lập thường không vì mục đích lợi nhuận.

*Về cơ chế quản lý tài chính:* các trường đại học công lập được tự chủ trong khuôn khổ quy định.

### 1.1.3. Cơ chế vận hành GDDH trong nền kinh tế thị trường

Khi xem xét cơ chế vận hành GDDH ở các quốc gia có nền KTTT đều có thể thấy đặc điểm chung là 4 bộ phận cùng tham gia cơ chế vận hành GDDH với vai trò khác nhau:

**Nhà nước**, vai trò quan trọng của Nhà nước đối với GDDH thể hiện chủ yếu qua các yếu tố: (i) Định hướng chính trị phát triển GDDH; (ii) Xác định các ưu tiên và đưa ra các biện pháp tương ứng để thực hiện các ưu tiên đó. (iii) Tạo ra môi trường thể chế cho hoạt động của hệ thống GDDH; (iv) Điều phối quy mô, tốc độ và sự phân bổ GDDH.

**Thứ hai là thị trường:** theo P. Williams (1996), thị trường làm cho GDDH có một số ưu điểm chính. Một là, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu kinh tế xã hội, giảm bớt sự tham gia trực tiếp của chính phủ trong việc điều hành trường đại học. Hai là, thị trường làm cho GDDH có khả năng thích nghi và sáng tạo hơn.

**Thứ ba là sự tham gia của xã hội:** tham gia kiểm soát và gây ảnh hưởng đến sự phát triển GDDH. Các lực lượng xã hội bao gồm: người sử dụng lao động, cha mẹ sinh viên và sinh viên và các tổ chức có liên quan

### Thứ tư, là bản thân các cơ sở GDDH

*Kết luận, GDDH phát triển gắn liền với sự phát triển của kinh tế thị trường, cơ chế vận hành GDDH chịu sự tác động và hiệu quả hơn nhờ các yếu tố của nền kinh tế thị trường có sự can thiệp của Nhà nước.*

### 1.1.4. Quan điểm về lợi ích GDDH và hàng hóa GDDH

1.1.4.1. Xu hướng phát triển GDDH và sự thay đổi quan niệm về lợi ích của GDDH:

Quan niệm GDDH chuyển từ lợi ích công thuần túy sang quan niệm GDDH có mang lại lợi ích tư là luận cứ cho việc quyết định chính tài chính cho GDDH của các quốc gia.

1.4.1.2. Sản phẩm GDDH là một loại hàng hóa đặc biệt trong nền KTTT

Dựa trên quan điểm của Các Mác [33, tr.98] thì GDDH là loại lao động phi vật chất và được trao đổi, mua bán như dịch vụ, hàng hóa khác và nó có đầy đủ tính chất như một loại sản phẩm, dịch vụ hàng hóa thông thường.

GS Phạm Phú [99] cho rằng chính đặc tính “HH cá nhân” là cơ sở khoa học để dịch vụ GDDH có định hướng thị trường và chịu tác động của thị trường

GDDH là một loại hàng hóa đặc biệt khi so sánh với các loại sản phẩm dịch vụ khác. Điều này đã được nghiên cứu làm rõ qua đặc điểm sản phẩm dịch vụ GDDH của các trường đại học.

1.1.4.3. Xã hội hóa giáo dục, chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước về chi phí cho GDDH

Sản phẩm GDDH là một loại hàng hóa dịch vụ, GDDH vừa mang lợi ích công vừa có lợi ích tư. Đặc điểm này dẫn tới quan điểm cần phải chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước và các bên liên quan trong việc huy động các nguồn lực XHH để chi trả chi phí cho GDDH.

XHH hoạt động giáo dục có thể được hiểu là vận động và tổ chức cho nhân dân, các tổ chức và toàn xã hội đóng góp các nguồn lực để phát triển giáo dục nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân về dịch vụ giáo dục đào tạo”. XHH giáo dục là phương thức được thực hiện nhằm chia sẻ trách nhiệm về đóng góp tài chính cho GDDH giữa Nhà nước và các bên có lợi ích liên quan.

### 1.1.5. Chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập

1.1.5.1. Khái niệm về chương trình đào tạo chất lượng cao

Qua nghiên cứu tài liệu và khảo sát hoạt động của các chương trình đào tạo trong các trường đại học công lập hiện nay thì chương trình đào tạo CLC có thể được hiểu như sau: là chương trình có nội dung, phương thức tổ chức được thiết kế nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra cho sinh viên tài năng, xuất sắc ở lĩnh vực chuyên môn được đào tạo; đối tượng người học được lựa chọn là các cá nhân có năng lực và thành tích học tập tốt; chương trình được Nhà nước ưu tiên về cơ chế, chính sách tài chính.

1.1.5.2. Tiêu chí xác định các chương trình đào tạo chất lượng cao

Nghiên cứu tiêu chí xác định chương trình đào tạo CLC, tác giả nghiên cứu các quan điểm và cách tiếp cận về chất lượng giáo dục đại học:

*Tiêu chuẩn chất lượng theo các tiêu chí xếp hạng*

*Tiêu chuẩn chất lượng đại học theo cách tiếp cận đầu vào, qui trình, và đầu ra.*

*Bộ tiêu chí và thang điểm xác định ngành/chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế của các nhà khoa học ở ĐHQGHN.*

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, theo tác giả có thể khái quát các tiêu chí áp dụng để xác định chương trình đào tạo CLC, là đối tượng nghiên cứu trong luận án này như sau: các tiêu chuẩn về chương trình đào tạo; các tiêu chuẩn liên quan đến người học; các tiêu chuẩn liên quan đến các điều kiện ĐBCLĐT; các tiêu chuẩn đánh giá nhóm sản phẩm chính (sản phẩm đào tạo; sản phẩm KHCN)

1.1.5.3. Mục tiêu triển khai các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập

Nhằm giải quyết bài toán mà GDDH ở tất cả các quốc gia phải đối mặt: mâu thuẫn giữa nguồn lực hạn chế và quy mô đào tạo, mâu thuẫn giữa quy mô và chất lượng đào tạo, chính sách đầu tư cho GDDH của các quốc gia đều có sự thay đổi. Nhà nước lựa chọn để ưu tiên và tập trung cho đào tạo CLC trong khuôn khổ nguồn lực dành cho GDDH khan hiếm.

Mục tiêu của các chương trình đào tạo CLC là thu hút, đào tạo và bồi dưỡng những người tài năng theo một chương trình đặc biệt để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực tài năng ở một số lĩnh vực có nhu cầu phát triển đỉnh cao như khoa học, công nghệ, kinh tế xã hội của quốc gia. Để trường đại học phát triển các chương trình đào tạo CLC, Chính phủ các quốc gia đều thực hiện chính sách ưu tiên đầu tư để xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo CLC vượt hẳn so với các chương trình đào tạo đại trà, với các cơ chế chính sách ưu đãi đối với người dạy và người học để thu hút người tài tham gia giảng dạy và theo học chương trình.

## 1.2. Cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập

### 1.2.1. Khái niệm cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập

#### 1.2.1.1. Cơ chế

Khái niệm "cơ chế" theo cách tiếp cận về kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô hay lý thuyết trò chơi, lý thuyết kinh tế chính trị truyền thống cùng có một điểm chung là khi nói đến "cơ chế" là nói đến nội bộ của một hệ thống hay một tổ chức. Hơn nữa, khi đề cập đến "cơ chế" thì hàm ý đến sự tương tác qua lại giữa các chủ thể của "cơ chế".

#### 1.2.1.2. Tài chính

Khái niệm tài chính được sử dụng khá phổ biến theo nghĩa là một phạm trù kinh tế biểu hiện quan hệ giữa các chủ thể kinh tế để hình thành, quản lý và sử dụng các quỹ tiền tệ nhằm đạt được các mục tiêu của nhà quản lý và các chủ thể liên quan.

#### 1.2.1.3. Cơ chế quản lý tài chính

Quản lý tài chính theo quan điểm của các nhà khoa học Trường đại học Kinh tế Quốc dân [84, tr.184] được xem xét theo hai nghĩa: (i) *nghĩa hẹp là quản lý thu chi ngân sách*; (ii) *theo nghĩa rộng là sử dụng tài chính làm công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của Nhà nước*.

Theo tác giả Võ Văn Thường: *cơ chế quản lý tài chính đó là hệ thống các hình thức, phương pháp và biện pháp tài chính được sử dụng để tác động vào quá trình vận hành của các quan hệ kinh tế tương ứng nhằm đạt các mục tiêu quản lý được xác định*.

Kết quả của nhóm nghiên cứu do TS Phạm Văn Ngọc chủ trì [75] đưa ra định nghĩa về cơ chế quản lý tài chính: *"Cơ chế quản lý tài chính là một tập hợp các phương pháp, công cụ phù hợp với pháp luật hiện hành nhằm thực hiện mục tiêu tài chính của đơn vị kinh tế trong điều kiện khan hiếm các nguồn lực tài chính và những nguồn lực khác"*.

Tuy nhiên, ở các khái niệm nêu trên đều có nhược điểm là chưa thấy rõ được vai trò của chủ thể quản lý khi sử dụng các phương pháp, công cụ tác động đến đối tượng quản lý; sự tương tác qua lại giữa các chủ thể trong quá trình vận hành các chính sách, phương tiện, hệ thống,... Các yếu tố này là một phần của cơ chế quản lý tài chính.

Theo quan điểm của tác giả có thể nêu khái niệm về cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC là *"tổng hợp các phương pháp, công cụ phù hợp với pháp luật hiện hành được các cơ quan quản lý áp dụng để quản lý hoạt động tài chính liên quan đến chương trình đào tạo CLC của trường đại học công lập nhằm đạt các mục tiêu của chương trình"*.

### 1.2.2. Đặc điểm cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập

*Cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập chịu sự tác động của nhiều mối quan hệ:* (i) phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của nhà quản lý; tư tưởng và quan điểm chỉ đạo tại các văn bản quản lý của Nhà nước; tác động của cơ chế thị trường; mối quan hệ trong phân cấp quản lý, trong tổ chức điều hành, trong quản lý và phân chia kinh phí từ hoạt động chương trình; các điều kiện để tổ chức thực hiện việc quản lý tài chính.

*Cơ chế quản lý chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập có tính linh hoạt cao:* được thiết lập không theo nguyên tắc hành chính thông thường mà được áp dụng phương thức mới, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của nhà quản lý.

### 1.2.3. Nội dung của cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập

#### 1.2.3.1. Cơ chế quản lý nguồn ngân sách của Chính phủ

##### *Về phương pháp lập ngân sách*

\*) Phương pháp thứ nhất: lập ngân sách gia tăng theo khoản mục

Theo Ansaw [2] trong tác phẩm "The New Politics of the Budgetary Process" của Wildavsky và Caiden (1997) đã mô tả hệ thống lập ngân sách truyền thống này với đặc điểm chính là sự gia tăng. Yếu tố quan trọng nhất để quyết định ngân sách hàng năm là mức ngân sách của các năm trước đó, các khoản mục sẽ được chuyển giao từ năm này qua năm khác. Cơ quan quản lý quyết định cắt giảm, gia tăng ngân sách dựa vào sự thay đổi các yếu tố đầu vào của các hoạt động.

\*) Phương pháp thứ hai: hệ thống lập ngân sách theo hoạt động

Trong phương thức quản lý chi ngân sách theo hoạt động gắn với kết quả đầu ra cần quan tâm đến các vấn đề quan trọng đó là: xây dựng kế hoạch và xác định được mục tiêu của hoạt động; xác định sản phẩm đầu ra phản ánh các mục tiêu nói trên; lập dự toán theo hoạt động dựa trên việc xác định các nguồn lực và chi phí cần thiết của từng sản phẩm đầu ra; xây dựng và ứng dụng hệ thống các chỉ số đánh giá đầu ra (số lượng; chất lượng; thời gian); xây dựng hệ thống quản trị kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động chi ngân sách. Các nghiên cứu về mô hình quản lý ngân sách gắn với đầu ra ở các nước đã cho thấy những ưu điểm tích cực của phương thức này so với lập ngân sách gia tăng theo khoản mục.

##### *Về phương thức phân bổ ngân sách*

Theo tác giả Bikas C. Sanyal [4] các cách thức để phân bổ ngân sách cho các trường đại học thực hiện các chương trình đào tạo CLC có thể khái quát như sau:

Phương thức thứ nhất: trường đại học và Chính phủ có thể thương thuyết về tỷ lệ % của khoản ngân sách cần được đáp ứng. Trường ĐH phải chi tiêu theo những mục đích mà Chính phủ đã đề ra.

Phương thức thứ hai: trường đại học nhận được khoản kinh phí một lần cho chương trình đào tạo CLC dựa trên số tiền được cấp dựa trên giai đoạn trước cộng với một khoản tăng nhất định và được chủ động sử dụng khoản tiền đó trong khuôn khổ quy định của pháp luật.

Phương thức thứ 3: ngân sách cấp cho các trường đại học dựa trên công thức tính toán số lượng sinh viên chương trình đào tạo CLC nhập học và chi phí trên đầu sinh viên. Nhà trường được hoàn toàn chủ động trong việc sử dụng khoản tiền đó.

Phương thức thứ 4: Chính phủ mua các dịch vụ học thuật của trường đại học. Các khoản tiền ngân sách được cấp cho nhà trường dựa trên kết quả hoạt động của chương trình đào tạo CLC trong tương lai. Phân bổ dựa trên hoạt động và công nhận đầu ra chứ không chỉ dựa trên đầu vào.



Phương thức thứ 5: Ngân sách của Chính phủ sẽ được cấp trực tiếp cho các đối tượng thụ hưởng và sử dụng dịch vụ đào tạo CLC thông qua việc bồi hoàn một phần hoặc toàn bộ các khoản chi phí mà sinh viên phải bỏ ra thông qua các khoản trợ cấp.

Thực tế cơ chế phân bổ nguồn ngân sách của Chính phủ thường là sự kết hợp của hai hoặc nhiều mô hình nêu trên [4].

#### 1.2.3.2. Cơ chế quản lý nguồn tài chính ngoài ngân sách đầu tư cho chương trình đào tạo CLC.

##### a) Chính sách học phí

##### Thứ nhất, nguyên tắc xác định học phí các chương trình đào tạo CLC

Xu thế chia sẻ chi phí theo hướng người học cần trả một phần quan trọng chi phí cho GDĐH ngày càng nhận được nhiều quan điểm nhất trí, xu thế giải bài toán chia sẻ chi phí cho GDĐH mà nhiều nước áp dụng là "học phí cao - hỗ trợ cao".

*Bằng các cách phân tích khác nhau nhưng quan điểm của các nhà kinh tế và quản lý giáo dục đều có điểm chung là nếu coi GDĐH là "HH cá nhân" và mang lại lợi ích cá nhân thì khách hàng của nó phải chịu trả chi phí (một phần hoặc toàn bộ) để có được hàng hóa đó đáp ứng nhu cầu.*

Nhà nước, người học, phụ huynh...cùng là khách hàng được cung cấp và thụ hưởng dịch vụ GDĐH do đó cũng phải chịu trả chi phí để có được hàng hóa đó. Đối với các chương trình đào tạo CLC, khách hàng sẽ được cung cấp các sản phẩm đáp ứng các yêu cầu cao hơn do đó phải chi trả chi phí tương ứng với mức cao hơn các chương trình đào tạo đại trà.

##### Thứ hai, cơ chế xác định mức huy động học phí chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập

Nghiên cứu của tác giả Arthur M. Hauptman [2] đã chỉ ra rằng: "Đối với các trường công, hầu hết ở các nước là Chính phủ chịu trách nhiệm về việc xây dựng mức học phí cho các trường công. Trong một số trường hợp, lãnh đạo trường công có trách nhiệm quy định mức học phí nhưng vẫn chịu sự xét duyệt của các cơ quan của chính phủ".

Chính sách học phí của hầu hết các quốc gia đều xác định mức học phí như một phần trong chi phí đào tạo cho mỗi đầu sinh viên. Mức học phí và các khoản chi được bù đắp từ nguồn học phí phụ thuộc vào nguyên tắc xác định chi phí đào tạo được áp dụng.

Đối với các chương trình đào tạo CLC, có chi phí thường xuyên cao hơn các chương trình đào tạo đại trà để đảm bảo chất lượng. Chi phí cao hơn tương xứng với chất lượng đào tạo thì mức học phí sinh viên phải đóng góp sẽ cao hơn do phần chi phí phải chia sẻ với NSNN cao hơn các chương trình đào tạo đại trà.

##### b) Chính sách tài chính tài trợ cho sinh viên

Chính sách tài trợ cho sinh viên cần gắn với chính sách học phí mới đảm bảo hiệu quả.

##### c) Thu hút nguồn lực tài chính cho chương trình đào tạo CLC thông qua hoạt động NCKH, tư vấn, cung cấp dịch vụ

#### 1.2.3.3. Cơ chế quản lý chi phí cho chương trình đào tạo CLC

##### Thứ nhất, quản lý chi phí theo phương pháp kế toán truyền thống

Trong nền KTT, các sản phẩm GDĐH sẽ tuân theo các quy luật giá trị, quy luật cung cầu; đồng thời quản lý chi phí trong GDĐH cần được hạch toán như đối với doanh nghiệp.

Theo quan điểm kinh tế chính trị của Mác thì chi phí sản xuất là toàn bộ lao động sống và lao động vật hóa tiêu hao trong quá trình sản xuất. Trong hoạt động GDĐH lao động sống chính là lao động của giảng viên, của cán bộ quản lý; lao động vật hóa là các yếu tố đảm bảo điều kiện học tập và giảng dạy của nhà trường.

Trong quản lý tài chính công, các chi phí cho GDĐH được phân thành chi phí thường xuyên và chi phí đầu tư. Các chi phí thường xuyên đảm bảo cho quá trình đào tạo được duy trì.

*Theo cách phân loại nào cũng có thể thấy chất lượng sản phẩm, dịch vụ có mối quan hệ mật thiết theo xu hướng đồng chiều với các chi phí sản xuất mà DN bỏ ra. Các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao đòi hỏi chi phí sản xuất phải cao hơn.*

Chương trình đào tạo CLC với các sản phẩm được định dạng như trên có chất lượng cao hơn các chương trình đào tạo đại trà do đó yêu cầu phải cần có chi phí tương xứng cao hơn với CTĐT đại trà. Vì vậy, đương nhiên phần chi phí cần chia sẻ cho các đối tượng có lợi ích liên quan phải cao hơn các CTĐT đại trà.

##### Thứ hai, quản lý chi phí theo hoạt động (phương pháp ABC/M).

*Tính chi phí theo quá trình hoạt động*

Robin Cooper, Robert Kaplan và H. Thomas Johnson định nghĩa ABC như là "một phương pháp tính chi phí được sử dụng để phát hiện ra nguồn gốc các chi phí chung một cách trực tiếp đến các đối tượng chịu phí như sản phẩm/ dịch vụ, các quá trình hay khách hàng và giúp nhà quản trị ra quyết định đúng xét về các chiến lược sản phẩm hỗn hợp và các chiến lược cạnh tranh" [108].

Theo Krumwiede và Roth (1997) phương pháp (ABC) là một hệ thống kế toán quản trị phân bổ chi phí cho các đối tượng chi phí dựa trên số lượng các hoạt động sử dụng bởi đối tượng chi phí.

Theo Horngren (2000) thì phương pháp ABC là sự cải tiến phương pháp kế toán truyền thống, tính các chi phí tập trung vào các hoạt động cụ thể như là các đối tượng chi phí cơ bản.

Trong tài liệu "Bộ sách về quản trị công và trách nhiệm giải trình Lập ngân sách và các thiết chế ngân sách" [2], Anwar Shah cho rằng định nghĩa của Gary Cokins về ABC đồng quan điểm trên. Áp dụng phương pháp ABC sẽ giúp quy đổi phí từ các nguồn lực và nguồn cung ứng thành các đầu ra. Tất cả các công việc đều có một đầu ra.

*Phương pháp ABC với việc quản trị chi phí dựa trên hoạt động (ABC/M- Activity-Based Costing and Management)*

Năm 1992, Cooper và các cộng sự đã phát biểu "Quản trị chi phí kinh doanh theo quá trình hoạt động là một quá trình quản trị mà ở đó các nhà quản trị trong doanh nghiệp đã sử dụng thông tin chi phí kinh doanh do phương pháp tính chi phí kinh doanh theo quá trình hoạt động cung cấp để quản lý các hoạt động và quá trình kinh doanh" [110, tr.9].

ABC/M cho thấy ưu điểm hơn hệ thống quản lý tài chính truyền thống khi làm rõ những gì được thực hiện trong quy trình và đầu ra là gì nhờ sử dụng nguồn lực thay vì tập trung và các chi phí tổn lao động, cung ứng,...Áp dụng phương pháp chi phí chương trình đào tạo CLC nói riêng theo mô hình ABC/M là điều kiện thực hiện lập và phân bổ ngân sách theo hoạt động và kết quả đầu ra.

#### 1.2.3.4. Quản lý tài sản dành cho chương trình đào tạo CLC

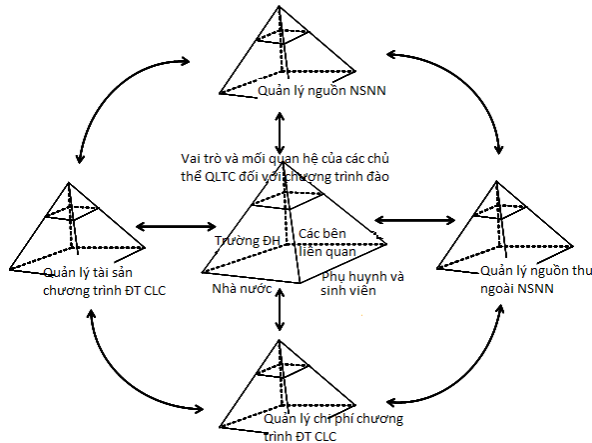
Cơ chế quản lý tài sản dành cho chương trình đào tạo CLC không có nhiều điểm khác biệt với cơ chế quản lý tài sản của trường đại học.

#### 1.2.3.4. Mô hình về cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập

Tác giả đề xuất mô hình dựa trên các phương thức, công cụ, các chỉ tiêu đo lường, đánh giá phù hợp với thông lệ quốc tế được mô tả qua Sơ đồ 1.2 dưới đây.

#### 1.2.4. Mô hình quản lý, điều hành các chương trình đào tạo CLC trong các trường ĐH công lập

Qua nghiên cứu và quan sát thực tế tác giả đề xuất Mô hình quản lý, điều hành các chương trình đào tạo CLC. Trong mô hình này, vai trò và mối quan của các chủ thể được phản ánh và chỉ ra khá rõ nét: (i) quan hệ giữa Nhà nước và trường đại học, (ii) quan hệ nội bộ trường đại học, (iii) quan hệ giữa trường đại học với các bên liên quan.



Sơ đồ 1.2: Mô hình khung về cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập

#### 1.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao trong các trường đại học công lập

Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC đó là: Xu hướng phát triển GDĐH và các quan điểm chủ trương của Chính phủ đối với GDĐH và các chương trình đào tạo CLC; Cơ chế quản lý tài chính của Trường ĐH công lập; Các mục tiêu; hoạt động của chương trình đào tạo CLC; Các chủ thể tham gia cơ chế quản lý tài chính

### 1.3. Kinh nghiệm quốc tế về đào tạo và cơ chế quản lý tài chính đối với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

#### 1.3.1. Kinh nghiệm của các nước

#### 1.3.2. Bài học cho Việt Nam

Nghiên cứu kinh nghiệm của các nước về cơ chế quản lý tài chính đối với đào tạo nguồn nhân lực CLC có thể rút ra một số bài học cho Việt Nam: (i) các trường đại học công lập là hạt

nhân cho đào tạo CLC; (ii) Nhà nước sử dụng công cụ phân bổ, cấp phát ngân sách để ưu tiên và cơ chế và đầu tư tài chính cho các chương trình đào tạo CLC; (iii) Các trường đại học công lập được giao quyền tự chủ tài chính phù hợp với năng lực thực hiện các chương trình đào tạo CLC.

### Kết luận Chương 1

Với những nghiên cứu chi tiết về chương trình đào tạo CLC và cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong trường đại học công lập, tác giả đã làm rõ được một số vấn đề sau:

- Làm rõ các luận cứ cho thấy sự cần thiết phải triển khai và phát triển các chương trình đào tạo CLC; đề xuất các tiêu chí xác định chương trình đào tạo CLC.

- Hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về cơ chế, cơ chế quản lý tài chính; luận án đưa ra các nội dung chi tiết về quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC. Từ đó đề xuất mô hình cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC, được coi là hoàn thiện, dựa trên các phương thức, công cụ, các chỉ tiêu đo lường, đánh giá phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố và cơ chế tác động của từng nhân tố này.

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quản lý tài chính đối với đào tạo nguồn nhân lực CLC ở một số nước trên thế giới, tác giả cũng đã đúc rút, tổng kết được một số bài học cho Việt Nam.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP VIỆT NAM

#### 2.1. Thực trạng các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập Việt Nam

##### 2.1.1. Sự hình thành các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập Việt Nam

DHQP Hà Nội thực hiện Đề án “Xây dựng và Phát triển một số ngành, chuyên ngành khoa học cơ bản, công nghệ cao và kinh tế xã hội mũi nhọn đạt trình độ quốc tế” là nhiệm vụ, giải pháp chiến lược thực hiện sứ mạng cung cấp nhân tài và nguồn nhân lực CLC cho đất nước.

Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thí điểm 10 chương trình tiên tiến tại 9 trường đại học trọng điểm. Đề án “Đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường đại học Việt Nam giai đoạn 2008 - 2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, có sản phẩm là đào tạo ra được một đội ngũ các cử nhân, kỹ sư, bác sĩ thích ứng cao với môi trường làm việc, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ mới.

Chương trình đào tạo kỹ sư CLC tại Việt Nam đã hình thành một hệ thống các trường lớn đào tạo về kỹ sư Việt Nam tại 3 địa điểm (Hà Nội, Đà Nẵng và TP.HCM) mà hoạt động của nó rất gần với hệ thống của Pháp (tuyển dụng, chương trình, mục tiêu, tham vọng).

Các trường đại học cũng triển khai rất nhiều các chương trình đào tạo CLC theo hình thức tổ chức dịch vụ liên kết đào tạo nước ngoài. Nguồn kinh phí để thực hiện các loại hình chương trình này do các trường đại học tự đảm bảo toàn bộ bằng nguồn thu học phí và các nguồn lực xã hội hóa.

### 2.1.2. Tiêu chí xác định chương trình đào tạo CLC

Nghiên cứu thực trạng cho thấy các trường áp dụng tiêu chí không giống nhau để xác định chương trình đào tạo CLC. Các tiêu chuẩn, tiêu chí được áp dụng ở mỗi trường phụ thuộc vào mục tiêu định hướng của từng loại hình chương trình, hoặc yêu cầu quản lý và kiểm tra giám sát của nhà quản lý. Nguyên nhân dẫn tới thực trạng Nhà nước chưa có quy định ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn để đánh giá chất lượng đào tạo và xác định thể nào là chương trình đào tạo CLC.

Có thể nói, nhiều chương trình đào tạo CLC lựa chọn tiêu chí áp dụng không dựa trên cơ sở khoa học xác định chất lượng đào tạo, nhiều tiêu chuẩn chỉ phản ánh chất lượng dịch vụ cao.

## 2.2. Thực trạng cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC

### 2.2.1. Thực trạng cơ chế quản lý tài chính đối với GDĐH

GDĐH Việt Nam có bước phát triển nhanh chóng, mở rộng về quy mô và số lượng các trường đại học được thành lập mới. Cơ chế quản lý tài chính đối với GDĐH trong những năm qua cũng có nhiều đổi mới tích cực góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển của GDĐH. Những nét nổi bật về thực trạng cơ chế tài chính đối với GDĐH được khái quát như sau:

*Thứ nhất*, các cơ sở GDĐH công lập được tăng cường giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 43/NĐ-CP. *Thứ hai*, Nhà nước chú trọng ưu tiên đầu tư cho GDĐH. *Thứ ba*, chính sách học phí đối với GDĐH đã được quan tâm đổi mới. Bước đầu quy định học phí đã dựa trên nguyên tắc chia sẻ chi phí, học phí đã có sự phân biệt giữa các ngành nghề đào tạo.

Bên cạnh đó, cơ chế quản lý tài chính đối với GDĐH hiện nay cũng bộc lộ những bất cập, hạn chế, ảnh hưởng đến hoạt động và chất lượng GDĐH. Đánh giá về những bất cập của cơ chế tài chính đối với GDĐH, Phùng Xuân Nhạ và nhóm nghiên cứu [28] cho rằng “những bất cập liên quan tới quản lý nguồn tài chính như phân bổ và cấp phát ngân sách; quy định về học phí được đánh giá là nổi bật hơn cả”. Những đặc điểm nổi bật thực trạng cơ chế quản lý tài chính đối với GDĐH có ảnh hưởng quyết định tới cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC.

### 2.2.2. Thực trạng cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập

#### 2.2.2.1. Thực trạng quản lý ngân sách cấp cho các chương trình đào tạo CLC

Cơ chế quản lý ngân sách đối với các chương trình đào tạo CLC được gồm các nội dung sau:

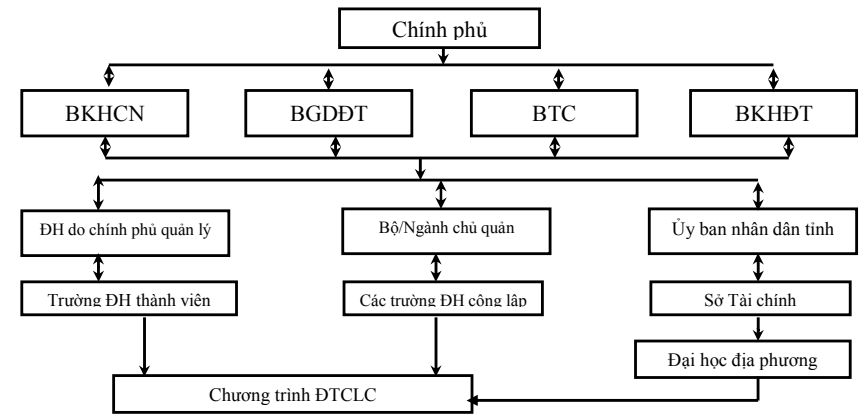
#### *Thứ nhất là về quy trình lập và phân bổ ngân sách*

Quy trình lập và phân bổ ngân sách được mô tả qua Sơ đồ 2.1 dưới đây.

Qua nghiên cứu thực trạng về phương thức lập và phân bổ dự toán ngân sách cho các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập cho thấy còn có một số điểm chưa tương đồng với mô hình cơ chế quản lý tài chính đối với chương trình đào tạo CLC được coi là hoàn thiện (mô tả trong Chương 1). Cụ thể:

*Lập dự toán chương trình đào tạo CLC theo phương pháp khoản mục gia tăng.*

*Lập và phân bổ dự toán ngân sách cho chương trình đào tạo CLC dựa trên đầu vào* (số lượng sinh viên nhập học của chương trình và chi phí trên đầu sinh viên đã được duyệt sẵn).



**Sơ đồ 2.1. Quy trình phân bổ ngân sách cho các CTĐTCLC**

*Nguồn: tác giả phát triển từ tài liệu [28]*

### *Thứ hai là về tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách*

*Về tiêu chí phân bổ ngân sách:*

Tiêu chí đầu tư NSNN nhìn chung không có sự phân biệt đáng kể giữa các ngành nghề đào tạo; kinh phí được cấp dựa trên các chuẩn định mức khá thô sơ, thiếu các tiêu chí rõ ràng, công khai. Tiêu chí phân bổ không phản ánh mức độ khác nhau về cơ cấu chi phí giữa các ngành/ nghề đào tạo; đồng thời chưa tính đến khả năng thu hút nguồn lực xã hội giữa các ngành nghề khác nhau. NSNN vẫn cấp để thực hiện chương trình đào tạo CLC ngành khối kinh tế công nghệ. Đây là những ngành nhận được sự quan tâm của xã hội, có thể huy động các nguồn tài chính khác để giảm bớt gánh nặng chi ngân sách. Như vậy, việc sử dụng các tiêu chí áp dụng phân bổ ngân sách cho các chương trình đào tạo CLC chưa hiệu quả nhằm tạo ra các động lực tài chính giúp các chương trình đào tạo CLC đạt được mục tiêu như đã đề ra.

*Về định mức phân bổ ngân sách:*

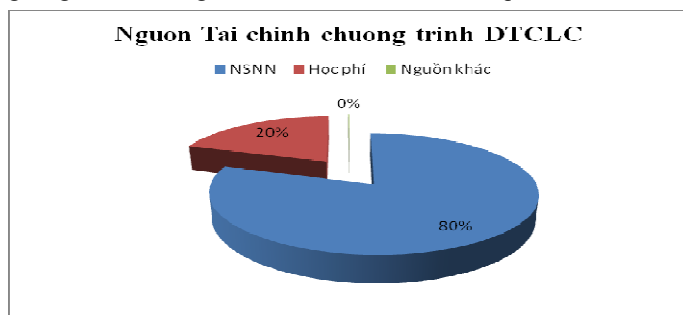
Điểm khác biệt cơ bản trong cơ chế quản lý phân bổ ngân sách cho các chương trình đào tạo CLC là định mức làm căn cứ cấp ngân sách được điều chỉnh cao hơn các chương trình đào tạo đại trà. Tuy nhiên, định mức phân bổ không phản ánh chi phí thực tế cần thiết để đảm bảo chất lượng đào tạo. Nhà nước cấp ngân sách cho các chương trình đào tạo CLC chưa chú ý đến việc cân đối với nguồn thu XHH. Nên thực tế triển khai đào tạo “các chương trình khối KHCN hoặc kỹ thuật có mức độ thu hút thấp, số sinh viên tham gia ít sẽ khó khăn hơn các ngành khối kinh tế” [12]. Rõ ràng, Nhà nước chưa sử dụng tốt công cụ của quản lý tài chính để điều tiết các chương trình đào tạo CLC đáp ứng mục tiêu quản lý và nhu cầu xã hội.

Như vậy, có thể khẳng định những đặc điểm khác biệt trong cơ chế quản lý tài chính nguồn NSNN cấp cho chương trình đào tạo CLC chưa tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ việc cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo CLC từ công nghệ quản lý, chương trình và sản phẩm đào tạo.

### *Thứ ba, nguồn kinh phí NSNN đầu tư cho các chương trình đào tạo CLC.*

Số liệu về nguồn tài chính NSNN đầu tư cho các chương trình đào tạo CLC được tổng kết cho thấy nguồn tài chính trong thực tế dành cho các chương trình đào tạo CLC cho thấy NSNN

nguồn tài chính chủ yếu đảm bảo hoạt động của các chương trình đào tạo CLC, chiếm tới 80% nguồn tài chính cho chương trình đào tạo CLC, học phí khoảng 20% trong khi các nguồn khác coi như không có gì. Các đánh giá và nhận định được mô tả qua Biểu đồ 2.7 dưới đây.



**Biểu đồ 2.7. Cơ cấu nguồn tài chính thực tế của các chương trình đào tạo CLC được NSNN đầu tư**

*Nguồn: tác giả tự tổng hợp*

**Về cơ chế kiểm tra, giám sát:** cơ chế kiểm tra, giám sát đối với việc quản lý nguồn tài chính từ NSNN dành cho các chương trình đào tạo CLC về cơ bản thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước đối với lĩnh vực tài chính và quản lý ngân sách. Ngoài ra, có thể thực hiện thêm các chế độ kiểm tra, báo cáo theo yêu cầu của từng cấp quản lý.

#### 2.2.2.2. Thực trạng quản lý các nguồn tài chính ngoài NSNN

##### **Thứ nhất, cơ chế quản lý nguồn thu học phí**

Theo đánh giá trong các báo cáo gần đây của các cơ quan quản lý Nhà nước, học phí là nguồn thu chủ yếu ngoài NSNN cấp của các trường đại học và còn tiếp tục tăng, các nguồn khác khá khiêm tốn. Tổng hợp phân tích số liệu về nguồn tài chính của các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập cho thấy cơ cấu nguồn tài chính của các chương trình đào tạo CLC cũng không nằm ngoài đặc trưng này.

\*) Học phí của các chương trình đào tạo CLC được Nhà nước đầu tư kinh phí NSNN

Từ 1993 đến trước khi có Nghị quyết 35 của Quốc hội, chính sách học phí của các chương trình đào tạo CLC được quy định giống như học phí của các chương trình đào tạo đại trà với các đặc điểm nổi bật sau:

Một là, mức đóng học phí chỉ là một phần chi phí đào tạo. Nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong việc đảm bảo nguồn lực cho GDDH (chiếm hơn 50% nguồn tài chính cho GDDH);

Hai là, mức học phí không có sự phân biệt về ngành nghề đào tạo; học phí không được xác định dựa trên chi phí đào tạo.

Ba là, nhà nước đồng thời thực hiện thu học phí nhưng cũng kèm theo các chính sách xã hội, miễn giảm học phí cho các đối tượng con nhà nghèo, người có công, con em thương binh, liệt sĩ,... Tuy nhiên, gánh nặng thực hiện chế độ, chính sách lại được đẩy cho các trường đại học.

Những thay đổi đáng kể về cơ chế thu học phí bắt đầu được quy định tại Nghị quyết 35/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội: các cơ sở giáo dục và đào tạo được thực hiện chương trình chất lượng cao và được thu học phí cao.

Theo báo cáo của Bộ GD&ĐT [12] tình hình thu học phí chương trình đào tạo CLC của các trường như sau: i) mức thu học phí rất khác nhau giữa các ngành; ii) mức học phí cao được áp dụng đối với các ngành khối kỹ thuật, công nghệ và kinh tế, các ngành KHCB, sư phạm thu học phí theo mức quy định hiện hành hoặc không thu. Mức thu không phụ thuộc vào chi phí thực tế theo yêu cầu đặc thù của ngành nghề đào tạo. Do chưa có sự kết hợp tốt giữa chính sách học phí và phân bổ NSNN nên các ngành khối kinh tế thu học phí cao sẽ có nguồn tài chính cao hơn so với các chương trình KHCB. Trong khi đó, chi phí theo Đề án được xây dựng cho các ngành KHCB cao hơn các ngành Kinh tế nhằm đạt được các sản phẩm cam kết.

Khảo sát theo phiếu hỏi tại Phụ lục 2.2, số liệu tại Bảng 2.10 cho kết quả đánh giá về việc cơ chế quản lý và huy động nguồn thu học phí áp dụng đối với các chương trình đào tạo CLC.

Đánh giá tổng quan về nguồn thu học phí được huy động từ người học các chương trình đào tạo CLC cho nhận xét: nguồn thu học phí chỉ chiếm **khoảng 20%** trong tổng số kinh phí để chi tiêu cho các chương trình đào tạo CLC. Đặc biệt, việc quy định mức học phí cao ở một số chương trình đào tạo CLC thuộc khối ngành KHCB không khả thi do không dành được sự lựa chọn của người học. Nguồn thu học phí thấp lý giải cho hiện tượng một số chương trình đào tạo CLC khi kết thúc Đề án/ Dự án do không có đủ nguồn tài chính nên không thể tiếp tục duy trì đầy đủ các hoạt động như khi có Đề án, làm giảm đi tính bền vững và hiệu quả đầu tư cũng như mục tiêu chương trình.

**Bảng 2.10. Tổng hợp kết quả điều tra đánh giá cơ chế quản lý nguồn thu học phí**

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu cực	Không tác động	Tích cực	Rất tích cực
1	Nguyên tắc thu học phí	3.47	20.5	62.46	13.57
2	Quyền tự chủ trong việc quyết định học phí	58.37	25.35	13.07	3.21
3	Mức thu học phí	53.8	28.89	13.6	3.71
4	Quy định sử dụng học phí	4.47	20.5	61.46	13.57
5	Quy trình phê duyệt học phí	58.89	22.97	13.6	4.54
6	Cơ chế kiểm tra giám sát	53.92	27.89	14.9	3.29

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ phiếu điều tra*

\*) Học phí của các chương trình đào tạo CLC do trường đại học công lập tổ chức hoặc thực hiện theo hợp đồng liên kết với các đối tác nước ngoài

Đối với các chương trình đào tạo CLC do các trường đại học tự xây dựng và tuyên bố thực hiện, mức thu học phí được đẩy lên khá cao do hầu hết các ngành đào tạo đều được mở đầu thu hút được sự quan tâm của xã hội, có nhiều sinh viên theo học. Tuy nhiên, do chưa có tiêu chí và các chế tài để giám sát nên cơ quan quản lý nhà nước cũng không có cơ sở để giám sát, đảm bảo chất lượng như trường đại học đã cam kết, đảm bảo lợi ích của người học và xã hội.

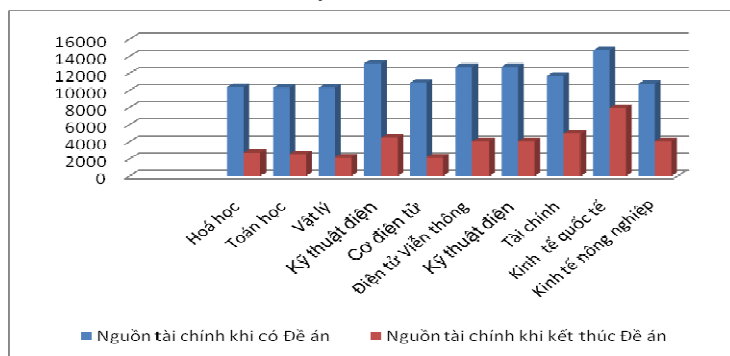
Như vậy, trong cùng một trường đại học, cơ chế thu, huy động học phí giữa các loại hình chương trình đào tạo CLC còn nhiều điểm khác nhau về mức độ tự chủ và cơ chế kiểm tra giám sát. Tuy nhiên một yếu tố quyết định đối với mức học phí của cả 2 loại hình chương trình là do khả năng thu hút nguồn lực xã hội của ngành đào tạo.



### Thứ hai, cơ chế quản lý các nguồn thu khác

Cơ chế quản lý tài chính các chương trình đào tạo CLC tồn tại vấn đề đáng quan tâm đó là duy trì nguồn tài chính đảm bảo tính bền vững cho chương trình. Hầu hết các chương trình khi kết thúc Đề án đều có nguồn tài chính thấp hơn so với khi có Đề án. Đặc biệt đối với các chương trình ngành KHCB có tỷ lệ nguồn học phí thấp trong cơ cấu tài chính thì mức thiếu hụt nguồn tài chính khi Đề án kết thúc là rất lớn.

Như vậy, khi không còn nguồn đầu tư ưu tiên từ NSNN, nhiều chương trình sẽ không có đủ nguồn tài chính để duy trì các hoạt động đào tạo như trước đây. Việc không đảm bảo nguồn tài chính phát triển bền vững cho các chương trình đào tạo CLC đã ảnh hưởng tới mục tiêu triển khai các chương trình đào tạo CLC. Các nhana định được minh chứng ở bảng số liệu được tổng hợp được mô tả ở Biểu đồ số 2.12 dưới đây.



**Biểu đồ số 2.12. Nguồn tài chính của các chương trình đào tạo CLC khi có Đề án và khi kết thúc đề án**

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp từ báo cáo của các trường

Nhà nước phải có chính sách đầu tư phù hợp hơn cho các chương trình đào tạo CLC; việc đầu tư cần dựa trên khả năng thu hút các nguồn lực xã hội hóa của từng chương trình.

\*) *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng thu hút các nguồn lực ngoài NSNN (nguồn lực xã hội hóa) của các chương trình đào tạo CLC*

Để tìm hiểu các nhân tố có tác động đến khả năng thu hút nguồn lực xã hội hóa của các chương trình đào tạo CLC, qua số liệu thu thập được, tác giả thực hiện phân tích mối tương quan của các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút nguồn lực xã hội hóa của các chương trình đào tạo CLC trong mẫu nghiên cứu.

Trong đó, Biến khả năng xã hội hóa được đo bằng nguồn tài chính ngoài NSNN/tổng nguồn tài chính giành cho chương trình đào tạo CLC. Đây là thang đo được lượng hóa để từ đó có cơ sở phân tích những nhân tố còn lại. Từ các dữ liệu thu thập được, kết quả phân tích, xử lý dữ liệu cho biết hệ số sự tương quan  $\beta$  giữa các biến trong nhân tố.

Do mẫu nhỏ, nên hệ số  $\beta > 0,15$  chỉ có ý nghĩa về mặt thống kê. Kết quả cho thấy, khả năng thu hút các nguồn lực xã hội hóa của chương trình đào tạo CLC phụ thuộc vào ngành đào tạo ( $\beta=0,27$ ), điểm tuyển sinh ba năm gần đây ( $\beta=0,17$ ), tỷ lệ sinh viên có việc làm ( $\beta=0,23$ ), khu vực địa lý (địa điểm nơi đóng trụ sở của trường), diện tích phòng học của trường đại học

(yếu tố về CSVC), đội ngũ giảng viên của trường đại học (số lượng cán bộ cơ hữu, tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên).

Các số liệu phân tích tương đối phù hợp với thực trạng cơ chế quản lý nguồn thu ngoài NSNN cấp của các chương trình đào tạo CLC đã được phân tích ở trên. Các ngành đào tạo dân được sự quan tâm của xã hội sẽ có mức thu học phí cao mà không cần dựa vào chi phí cần thiết để các hoạt động của chương trình được thực hiện và đạt được sản phẩm đầu ra.

### Thứ ba, chính sách tài trợ cho sinh viên các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập

Sinh viên chương trình đào tạo CLC được hưởng các khoản tài trợ theo các chính sách hiện hành của Nhà nước đối với sinh viên trong các trường đại học công lập nói chung.

#### 2.2.2.3. Thực trạng quản lý chi phí cho chương trình đào tạo CLC

##### Hạch toán chi phí

Kết quả khảo sát các trường đại học công lập có chương trình đào tạo CLC (Mẫu phiếu hỏi - Phụ lục 2.2) cho kết quả 100% các trường thực hiện hạch toán chi phí theo chế độ kế toán áp dụng cho các đơn vị hành chính sự nghiệp được ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC và các quy định theo cơ chế tài chính quy định tại Nghị định số 43/CP.

Hiện nay các khoản chi phí được hạch toán của một chương trình đào tạo CLC chưa phản ánh đầy đủ các chi phí theo quan điểm kinh tế thị trường. Chi phí được tập hợp và hạch toán cho các hoạt động của chương trình đào tạo CLC không bao gồm chi phí khấu hao TSCE không phải nộp thuế sử dụng đất. Thực tế trong cùng một trường đại học hai chương trình đào tạo CLC giả định cùng hợp tác, liên kết với một trường đại học đối tác nước ngoài nhưng ở hai loại hình đào tạo khác nhau do NSNN hỗ trợ hoặc trường đại học tổ chức hoạt động dịch vụ nhưng có nguyên tắc tập hợp và xác định chi phí khác nhau. Do đó, các chi phí chia sẻ cho người học phải đóng học phí ở hai loại hình chương trình này là khác nhau.

##### Phương pháp quản lý chi phí

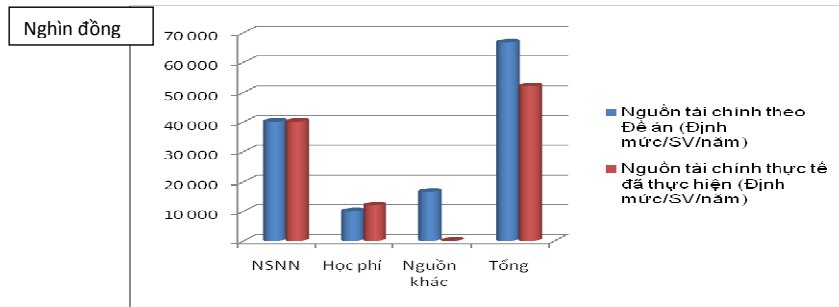
Khảo sát tại các trường đại học công lập có các chương trình đào tạo CLC hiện nay chỉ thấy 100% các trường đại học sử dụng phương pháp kế toán truyền thống. Chi phí được ghi chép là tổng hợp tất cả chi phí liên quan đến tất cả các hoạt động của nhà trường mà không tách bạch theo từng đối tượng chịu chi phí. Các hạch toán, quản lý chi phí như hiện nay sẽ không thể tách bạch được các chi phí của 1 chương trình đào tạo CLC với chi phí của các chương trình khác nhiệm vụ khác của trường đại học.

Tổng kết kết quả khảo sát ý kiến của các nhà quản lý, chuyên gia cho nhận định cần phải thay đổi nguyên tắc và phương pháp hạch toán, quản lý chi phí đối với các chương trình đào tạo CLC nhằm đảm bảo việc xác định và tính toán đủ chi phí theo hoạt động của chương trình. Điều này có ý nghĩa quan trọng vì mức chi phí được hạch toán và xác định đầy đủ là cơ sở để Nhà nước cấp kinh phí ngân sách đồng thời là cơ sở để trường đại học xác định học phí và công khai để xã hội giám sát.

##### Thực trạng định mức chi phí chương trình đào tạo CLC

Mức chi phí chương trình đào tạo CLC so với các chương trình đại trà của các trường đại học đã thể hiện sự ưu tiên của Nhà nước dành cho đào tạo CLC. Trong thực tế hầu hết mức chi phí bình quân/ sinh viên của các chương trình đào tạo CLC đều không đạt được mức chi phí

như Đề án đã đề ra. Biểu đồ 2.3 dưới đây cho thấy, định mức chi trong thực tế của các chương trình đào tạo CLC được Nhà nước đầu tư kinh phí chỉ bằng khoảng 80% so với mức đã xây dựng trong Đề án. Mức chi phí thấp ảnh hưởng đến chất lượng các chương trình đào tạo CLC. Điều này cũng khẳng định cần thiết phải tăng mức chi phí đào tạo để đạt mục tiêu của chương trình đào tạo CLC.



**Biểu đồ 2.13. Chi phí thực tế cho chương trình ĐTCLC (chi phí bình quân/SV/năm)**

*Nguồn: tác giả tổng hợp số liệu từ Phụ lục 2.1.*

### **Thực trạng về quyền tự chủ trong quản lý chi phí các chương trình đào tạo CLC**

Kết quả khảo sát về quản lý chi phí của các trường đại học trọng điểm có triển khai chương trình đào tạo CLC (Tại Phụ lục 2.1) cho thấy, cơ chế quản lý tài chính chi phối, có ảnh hưởng đến việc quyết định sử dụng kinh phí chi cho các chương trình đào tạo CLC là Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Thông tư số 71/2006/TT-BTC. Ngoài ra, các chương trình đào tạo CLC tham gia Đề án CTTT của Bộ GD&ĐT còn thực hiện quản lý tài chính theo Thông tư số 220/2009/TT-BTC ngày 20/11/2009 hướng dẫn quản lý tài chính đối kinh phí thực hiện các chương trình tiên tiến.

#### **2.2.2.4. Thực trạng về quản lý tài sản được sử dụng trong các chương trình đào tạo CLC**

#### **2.2.3. Thực trạng về mô hình tổ chức quản lý điều hành các chương trình đào tạo CLC**

Mô hình tổ chức quản lý điều hành các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập ở Việt Nam hiện nay được tổ chức theo hai mô hình 1 và 3 được trình bày trong phần 1.2.5 của Chương I. Trong các mô hình trên, thực trạng vai trò và mối quan hệ của các chủ thể vận hành cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC được mô tả như sau: Nhà nước chưa sử dụng tốt công cụ ngân sách để điều tiết hiệu quả nguồn lực dành cho chương trình đào tạo CLC; Trách nhiệm giải trình của các trường đại học còn mờ nhạt; Người học và các bên liên quan chưa thể hiện đúng vai trò

### **2.3. Đánh giá thực trạng cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao**

#### **2.3.1. Kết quả đạt được**

#### **2.3.2. Hạn chế**

##### **2.3.2.1. Đối với cơ chế quản lý nguồn NSNN**

Phương thức lập và phân bổ dự toán dựa trên yếu tố đầu vào, không gắn với kết quả đầu ra.

Nhà nước chưa sử dụng tốt công cụ NSNN để điều tiết quy mô và cơ cấu đào tạo đảm bảo hiệu quả nguồn lực xã hội.

##### **2.3.2.2. Đối với cơ chế quản lý các nguồn tài chính ngoài ngân sách**

Học phí trước Nghị quyết 35 và Nghị định 49: mức học phí thấp hạn chế việc huy động nguồn lực xã hội để chia sẻ chi phí với nhà nước.

Học phí từ khi có Nghị quyết 35 và Nghị định 49: chính sách về học phí và phân bổ ngân sách chưa có sự kết hợp chặt chẽ, đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính.

Tỷ trọng nguồn tài chính thu hút ngoài ngân sách (bao gồm cả học phí) còn rất khiêm tốn không đạt mức đã cam kết khi xây dựng Đề án triển khai chương trình đào tạo CLC.

##### **2.3.2.2. Đối với cơ chế quản lý chi phí**

Phương thức quản lý chi phí có bất cập về nguyên tắc xác định chi phí, về phương pháp hạch toán và quản lý chi phí

Nhà nước chưa có đủ các định mức, tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật gắn với tiêu chuẩn sản phẩm đầu ra để làm căn cứ cho việc tính toán chi phí đào tạo.

Các trường đại học chưa được tự chủ tài chính tương xứng với yêu cầu thực hiện quản lý chương trình đào tạo CLC theo phương thức hiện đại, tiên tiến.

### **Kết luận Chương 2**

Từ những vấn đề được đề cập trong chương 2, để hoàn thiện quản lý tài chính các trường đại học Việt Nam cần cần nhắc, đưa ra những đề xuất giải pháp và kiến nghị chi tiết. Các giải pháp cần thực hiện theo lộ trình thích hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam trên học tập và áp dụng các bài học kinh nghiệm quốc tế. Nội dung này sẽ được trình bày trong chương 3.

## **CHƯƠNG 3**

### **GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP**

#### **3.1. Quan điểm về việc hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập**

##### **3.1.1. Định hướng phát triển các chương trình đào tạo CLC**

##### **3.1.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC**

Hoàn thiện để khắc phục những tồn tại, bất cập có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Hoàn thiện cơ chế quản lý để giải phóng nguồn lực xã hội đầu tư mạnh cho các chương trình đào tạo CLC là cần thiết.

Việc hoàn thiện là yêu cầu cần thiết để nâng cao vai trò của Nhà nước trong mối quan hệ với các chủ thể tham gia cơ chế quản lý tài chính góp phần nâng cao hiệu quả chung của nền KTXH.

##### **3.1.3. Định hướng hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC**

3.1.3.1. Đối mới về cơ chế, chính sách và phương thức lập dự toán và phân bổ dự toán ngân sách cho các chương trình đào tạo CLC

3.1.3.2. Xây dựng phương án cơ cấu lại nguồn kinh phí NSNN đầu tư cho các chương trình ĐTCCLC phù hợp với nhu cầu của Nhà nước và thị trường trong dài hạn: phân bổ theo kết quả phân tầng cơ sở GDĐH và theo kết quả phân loại khả năng XHH của ngành đào tạo.

3.1.3.3. Huy động các nguồn lực XHH đầu tư cho các chương trình đào tạo CLC dựa trên cơ sở vận dụng các quan hệ kinh tế thị trường trong quản lý GDĐH nói chung và các chương trình đào tạo CLC nói riêng.

3.1.3.4. Nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đại học công lập trong hoạt động quản lý tài chính của các chương trình đào tạo CLC trên cơ sở được hạch toán đầy đủ chi phí; được mở rộng quyền tự chủ trong việc huy động và sử dụng nguồn lực đảm bảo hiệu quả, chất lượng công việc.

3.1.3.5. Song song với giao quyền tự chủ hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát đối với việc tổ chức triển khai các chương trình đào tạo CLC của các trường đại học công lập

## 3.2. Giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập Việt Nam

### 3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý chi ngân sách

3.2.1.1. Áp dụng phương thức quản lý chi NSNN gắn với đầu ra của các chương trình đào tạo CLC trên cơ sở xây dựng và áp dụng các tiêu chí đánh giá sản phẩm

#### Đối với cơ quan quản lý Nhà nước

*Một là, xây dựng chỉ số đánh giá sản phẩm đầu ra*

Cơ quan quản lý Nhà nước cần xây dựng chỉ số đánh giá sản phẩm đầu ra của chương trình đào tạo CLC. Để đánh giá khoa học và khách quan thì hệ thống tiêu chí phải hết sức khoa học, phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Theo tác giả có thể áp dụng các sản phẩm và tiêu chí dưới đây làm căn cứ đánh giá đầu ra và hiệu quả tài chính của các chương trình đào tạo CLC:

+) Các sản phẩm và tiêu chí áp dụng làm căn cứ đánh giá đầu ra của các chương trình đào tạo CLC gồm có: *Nhóm sản phẩm về điều kiện đảm bảo chất lượng; Sản phẩm đào tạo; Sản phẩm hoạt động khoa học và công nghệ; Các sản phẩm liên kết và hợp tác; Các sản phẩm khác theo đặc thù của chương trình đào tạo CLC/cơ sở đào tạo.*

+) Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của các nhóm sản phẩm nêu trên

*Hai là, kiểm tra, giám sát:* cơ quan Nhà nước thực hiện kiểm tra giám sát theo các tiêu chí đã được ban hành quy định (giả thiết áp dụng các sản phẩm và tiêu chí nêu trên).

*Ba là, sử dụng các kết quả đánh giá làm căn cứ để cấp kinh phí*

Dựa vào kết quả đánh giá của cơ quan quản lý và kết quả đánh giá của các tổ chức độc lập để điều chỉnh việc cấp kinh phí cho các chương trình đào tạo CLC.

#### Đối với các trường đại học có chương trình đào tạo CLC

*Thứ nhất, xác định mục tiêu cụ thể của các chương trình đào tạo CLC.*

*Thứ hai, xác định các nhóm sản phẩm cơ bản của chương trình đào tạo CLC cần phải đạt được (theo các sản phẩm được Nhà nước quy định).*

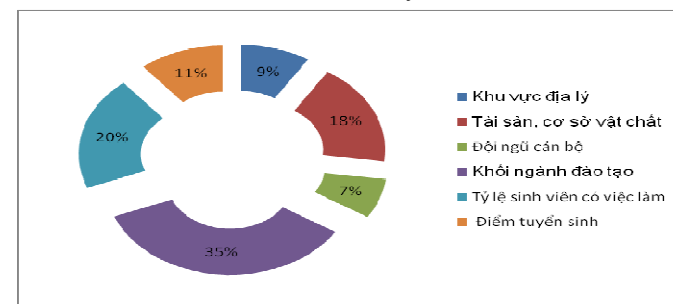
*Thứ ba, lập dự toán dựa trên hoạt động gắn với sản phẩm đầu ra*

*Cuối cùng là tự đánh giá các hoạt động và sản phẩm của chương trình; đồng thời cần thực hiện tốt nội dung kiểm tra, giám sát nội bộ trường đại học.*

3.2.1.2. Áp dụng kết quả phân loại các chương trình đào tạo CLC theo khả năng XHH để cấp kinh phí ngân sách Nhà nước

**Nội dung giải pháp:** Nhà nước cần điều chỉnh cơ chế phân bổ, cấp ngân sách cho các chương trình đào tạo CLC dựa trên khả năng XHH của các chương trình đào tạo: cơ cấu lại NSNN cấp cho các chương trình đào tạo CLC; không phân bổ NSNN bình quân đối với tất cả các chương trình như hiện nay.

Tác giả đề xuất mô hình về ảnh hưởng của các yếu tố tới khả năng thực hiện XHH của chương trình đào tạo được mô tả tại Biểu đồ 3.2 dưới đây.



**Biểu đồ 3.2. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đối với khả năng XHH của các ngành đào tạo CLC**

*Nguồn: Tác giả tổng hợp trên cơ sở dữ liệu của Phụ lục 2.*

Như vậy, việc phân loại và xác định mức độ XHH của chương trình đào tạo CLC có thể tham khảo để áp dụng các tiêu chí phân loại chương trình đào tạo CLC trong việc phân bổ và cấp NSNN cho các chương trình này. Việc cơ cấu lại NSNN cấp cho các chương trình đào tạo CLC nhằm đáp ứng nhu cầu của Nhà nước và thị trường trong dài hạn; gia tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội.

3.2.1.3. Áp dụng phương thức Nhà nước đặt hàng đào tạo đối với các chương trình đào tạo CLC ngành KHCB

#### Cơ quan Nhà nước ban hành các điều kiện để đặt hàng đào tạo

1) Xác định nhu cầu nguồn nhân lực các ngành KHCB

2) Quy định các điều kiện thực hiện đặt hàng và các bước thực hiện.

*Các điều kiện để thực hiện đặt hàng:* (i) Về cơ chế tài chính; (ii) Cơ chế quy định các cơ quan đơn vị Nhà nước, địa phương cam kết sử dụng nhân lực được đặt hàng; (iii) Cơ chế phối hợp giữa nhà trường với các bên liên quan

*Hướng dẫn các trường đại học xây dựng Đề án, thẩm định, phê duyệt cho phép thực hiện “đặt hàng”*

*Tổng kết, đánh giá*

#### Trường đại học xây dựng Đề án nhận đặt hàng đào tạo

1) Xác định chương trình đào tạo CLC để xây dựng Đề án Nhà nước đặt hàng

2) Cam kết cung cấp sản phẩm đầu ra chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cơ quan sử dụng

3) Tính đủ chi phí đào tạo

4) Đề xuất cơ chế Nhà nước đặt hàng các ngành đào tạo KHCB

### 3.3.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý nguồn thu học phí

#### 3.3.2.1. Chuyển chính sách phí, lệ phí sang quản lý giá dịch vụ trong đào tạo chất lượng cao

Triển khai áp dụng cơ chế quản lý giá dịch vụ đối với các chương trình đào tạo CLC cần thực hiện từng bước phù hợp với lộ trình đổi mới cơ chế quản lý tài chính của Đảng và Nhà nước; nhận được sự đồng thuận của xã hội.

**Đối với Nhà nước yêu cầu thực hiện các nội dung sau:**

Bộ GD&ĐT, Bộ chủ quản xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến các chương trình đào tạo CLC;

Bộ Tài chính ban hành các định mức chi tiêu tài chính;

Bộ chủ quản thẩm định và phê duyệt phương án thu, chi xác định chi phí (mức giá) của nhóm sản phẩm chương trình đào tạo CLC.

**Đối với trường đại học có chương trình đào tạo chất lượng cao**

Tính toán chi phí đào tạo GDĐH cần có lộ trình tính toán và áp dụng mức chi phí theo các giai đoạn sau:

- Giai đoạn 1: Chi phí đào tạo đảm bảo tính đủ chi phí tiền lương
- Giai đoạn 2: Chi phí đào tạo đảm bảo tính đủ chi phí thường xuyên
- Giai đoạn 3: Giá dịch vụ đủ bù đắp toàn bộ chi phí

#### 3.3.2.2. Tự chủ thu học phí tương xứng với chất lượng đào tạo

Tăng cường tự chủ thu học phí gắn với trách nhiệm xã hội cao khi triển khai chương trình đào tạo CLC

Thực hiện giám sát hoạt động thu và sử dụng học phí của các cơ sở giáo dục đại học

Xác định mức học phí các chương trình đào tạo CLC

#### 3.3.2.3. Kết hợp các giải pháp hoàn thiện về cơ chế quản lý ngân sách và chính sách học phí

#### 3.3.2.4. Giải pháp về chính sách hỗ trợ sinh viên

### 3.3.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chi phí

#### 3.3.3.1. Áp dụng mô hình ABC để tính toán chi phí đào tạo

Điều kiện áp dụng mô hình ABC trong việc tính toán chi phí đào tạo:

**Cơ quan quản lý Nhà nước** đồng ý cho phép các trường đại học áp dụng thí điểm phương pháp quản lý chi phí theo mô hình ABC đối với các chương trình đào tạo CLC; sử dụng kết quả tính toán chi phí theo mô hình này trong hoạt động quản lý, phân bổ ngân sách và học phí của chương trình đào tạo CLC.

**Lựa chọn mô hình ABC để tính toán chi phí đào tạo của các chương trình đào tạo CLC:** áp dụng mô hình đơn giản hai giai đoạn để tính toán chi phí đào tạo của các chương trình đào tạo CLC.

**Đề xuất mô hình ABC áp dụng tính chi phí hoạt động chương trình đào tạo CLC**

#### 3.3.3.2. Tăng quyền tự chủ cho các trường đại học công lập trong việc sử dụng nguồn tài chính của các chương trình đào tạo CLC

Các trường đại học được tự chủ sử dụng tài chính để thực hiện chính sách thu hút, mời giảng viên trong và ngoài nước giảng dạy chương trình; chi trả lương và thu nhập cho cán bộ

viên chức tham gia chương trình đào tạo CLC theo hình thức phù hợp; thực hiện các chính sách ưu đãi, thu hút sinh viên; tự chủ quyết định các nội dung/ khoản chi/ mức chi theo yêu cầu hoạt động; được thí điểm áp dụng phương pháp tính toán chi phí theo sản phẩm đầu ra để làm căn cứ xác định mức thu học phí; được thí điểm áp dụng phương thức thanh quyết toán dựa trên việc đánh giá kết quả và sản phẩm đầu ra của các chương trình;

### 3.2.4. Nhóm các giải pháp khác

#### 3.2.4.1. Giải pháp quản lý nhằm phát huy vai trò nhà nước khi vận hành cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC

#### 3.3.4.2. Tăng năng lực thực hiện các chương trình đào tạo CLC của các trường đại học công lập theo hướng tự chủ và trách nhiệm xã hội

#### 3.5.4.3. Nâng cao vai trò của các chủ thể khác khi tham gia vận hành cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC

## Kết luận Chương 3

Tác giả đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập Việt Nam. Các giải pháp sẽ góp phần triển khai các chương trình đào tạo CLC có hiệu quả, đạt được các mục tiêu đề ra.

Trình tự thực hiện các giải pháp này phụ thuộc vào tầm quan trọng và điều kiện để thực hiện tuy nhiên vẫn phải đảm bảo tính đồng bộ mới mang lại hiệu quả cao. Nếu được triển khai và thực hiện nghiêm túc các giải pháp nêu trên, cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC các trường đại học công lập Việt Nam sẽ được hoàn thiện và đạt được mục tiêu của quản lý tài chính từ đó là điều kiện để nâng cao chất lượng GDĐH.

## Kết luận chung

L luận án đã tập trung giải quyết những vấn đề sau:

1. Phân tích và đi đến thống nhất quan niệm về chương trình đào tạo CLC, đề xuất bộ tiêu chí xác định chương trình đào tạo CLC, mô hình cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình đào tạo CLC, được coi là hoàn thiện, dựa trên các phương thức, công cụ, các chỉ tiêu đo lường, đánh giá phù hợp với thông lệ quốc tế. Luận án cũng làm rõ vai trò của quản lý tài chính đối với việc nâng cao chất lượng của các chương trình đào tạo CLC.

2. Phân tích, làm rõ thực trạng cơ chế quản lý tài chính đối với chương trình đào tạo CLC, cơ sở để thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội, chia sẻ gánh nặng với NSNN dành cho các chương trình đào tạo CLC.

3. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với chương trình đào tạo CLC trong các trường đại học công lập gắn với chất lượng đầu ra, hướng tới bền vững tài chính.